

Bản án số: 02/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 15/4/2025

"V/v ly hôn và tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN IA PA - TỈNH GIA LAI

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Thanh Nga.

Hội thẩm nhân dân: Ông Phùng Tiến Hồng và bà Mã Thị Duyên.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Vũ Văn Quang -Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ia Pa, tỉnh Gia Lai.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ia Pa, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Kim Trâm - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Ia Pa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 86/2024/TLST-HNGĐ, ngày 25 tháng 10 năm 2024 về việc "Ly hôn và tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 14/3/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2025/QĐST-HNGĐ ngày 03/4/2025, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Chị Trần Thị Mỹ L, năm sinh 1997;

Nơi cư trú: B, xã I, huyện I, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

2. **Bị đơn:** Anh Huỳnh Chí T, sinh năm 1992;

Nơi cư trú: B, xã I, huyện I, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 24/9/2024, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Trần Thị Mỹ L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Huỳnh Chí T chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn vào ngày 11/12/2018 tại UBND xã I, huyện I, tỉnh Gia Lai trên cơ sở tự nguyện. Vợ chồng chung sống thời gian đầu hạnh phúc nhưng đến khoảng đầu năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh T nợ nần nên thường xuyên cãi vã, có lúc còn đánh đập chị, mặc dù đã khuyên can nhiều lần nhưng mỗi lần khuyên ngăn đều xảy ra tranh cãi to tiếng, vợ chồng không có tiếng nói chung. Mặc dù vợ chồng và hai bên gia đình đã can thiệp hòa giải nhiều lần nhưng vẫn không thể hòa thuận được

với nhau. Mâu thuẫn càng lớn nên chị và anh T đã sống ly thân từ tháng 8/2024 cho đến nay mỗi người một nơi. Đến nay, chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không thể tiếp tục sống chung với nhau được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Huỳnh Chí T.

Về con chung: Chị và anh Huỳnh Chí T có 02 con chung là Huỳnh Trần Nhã N, sinh ngày 28/7/2019 và Huỳnh Trần Nhã Đ, sinh ngày 07/7/2022. Hiện nay 02 con đang ở cùng anh T. Sau khi ly hôn, chị có nguyện vọng giao cả 02 con chung cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu về vấn đề cấp dưỡng. Hiện nay anh T có nhà ở và việc làm, thu nhập ổn định, ngoài ra anh T còn sống chung với mẹ nên hàng ngày mẹ anh T có hỗ trợ anh T trong việc chăm sóc con cái. Từ lúc ly thân cho đến nay, anh T nuôi con đảm bảo ăn học đầy đủ. Vì vậy nên anh T có đủ điều kiện để nuôi cả 02 con. Còn chị thì hiện nay chỗ ở và công việc cũng như thu nhập chưa ổn định.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Theo bản tự khai ngày 04/4/2025, bị đơn anh Huỳnh Chí T trình bày: Anh có nguyện vọng được nuôi cả hai con và không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con. Anh không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

* Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình, xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Mỹ L, cho chị L được ly hôn với anh T. Về con chung: giao cho anh Huỳnh Chí Trung trực T1 trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung Huỳnh Trần Nhã N và Huỳnh Trần Nhã Đ khi con chưa thành niên, con đã thành niên nhưng mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình. Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản và nghĩa vụ chung: các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết. Về án phí: Buộc nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 300.000 đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Bị đơn anh Huỳnh Chí T có nơi cư trú ở B, xã I, huyện I, tỉnh Gia Lai. Vì vậy chị Trần Thị Mỹ L có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Ia Pa, tỉnh Gia Lai giải quyết ly hôn và tranh chấp về nuôi con là đúng thẩm quyền theo khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai nên Tòa án căn

cứ vào khoản 3 Điều 228; khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Mỹ L và anh Huỳnh Chí T tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã I, huyện I, tỉnh Gia Lai vào ngày 11/12/2018 theo quy định của pháp luật. Do đó quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị Mỹ L và anh Huỳnh Chí T là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị L: Chị L trình bày trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn: chị và anh T thường xuyên cãi vã, có lúc còn xảy ra xô xát. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh T nọ nần, mặc dù đã khuyên can nhiều lần nhưng mỗi lần khuyên ngăn đều xảy ra kinh cãi, không có tiếng nói chung. Anh chị đã tự hoà giải nhưng không thể hàn gắn và đã sống ly thân từ tháng 8/2024 cho đến nay. Toà án đã nhiều lần tổ chức hòa giải nhưng anh T đều không đến tham gia hòa giải. Tại phiên toà, anh T cũng vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do. Như vậy thể hiện anh T đã bỏ mặc, không còn quan tâm đến cuộc sống hôn nhân với chị L nữa. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị L và anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị L yêu cầu xin ly hôn với anh T là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3]. Về con chung: Chị Trần Thị Mỹ L và anh Huỳnh Chí T có 02 con chung là Huỳnh Trần Nhã N, sinh ngày 28/7/2019 và Huỳnh Trần Nhã Đ, sinh ngày 07/7/2022. Hiện nay, cả 02 con đang sống với anh T và mẹ anh T tại B, xã I, huyện I, tỉnh Gia Lai.

Xét yêu cầu của chị L cũng như nguyện vọng của anh T là giao cho anh T được trực tiếp nuôi con cho đến lúc trưởng thành: Hội đồng xét xử nhận thấy từ trước đến nay con sống gần gũi với anh T; từ khi vợ chồng sống ly thân, anh T là người trực tiếp nuôi 02 con, cho con học hành đầy đủ, toàn bộ chi phí cho việc nuôi dưỡng, học tập của con là do một mình anh T chi trả. Theo lời trình bày của chị L cũng như theo xác minh tại địa phương thể hiện anh T có nhà ở, có công việc ổn định, có đủ điều kiện để nuôi con. Ngoài ra, hiện nay anh T chung sống cùng mẹ nên hàng ngày anh T còn được mẹ hỗ trợ việc chăm sóc các con. Đối với chị L, hiện nay chị chưa có chỗ ở, công việc và thu nhập ổn định. Như vậy, để đảm bảo sự ổn định tâm lý và tình cảm của con, hạn chế sự xáo trộn môi trường sống, giáo dục của con, xem xét quyền lợi về mọi mặt của con, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của chị L và anh T về việc giao hai con cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4]. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị L và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6]. Về án phí: Yêu cầu ly hôn của chị L được chấp nhận nên chị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 92, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, khoản 1 Điều 235, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

X: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Mỹ L, cụ thể như sau:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Mỹ L được ly hôn với anh Huỳnh Chí T.

2. Về con chung: Giao cho anh Huỳnh Chí Trung trực T1 trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung là Huỳnh Trần Nhã N, sinh ngày 28/7/2019 và Huỳnh Trần Nhã Đ, sinh ngày 07/7/2022 khi con chưa thành niên, đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Huỳnh Chí T không yêu cầu chị Trần Thị Mỹ L cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con trong trường hợp có yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc quyết định thay đổi việc cấp dưỡng.

3. Về án phí: Chị Trần Thị Mỹ L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003853 ngày 24/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ia Pa, tỉnh Gia Lai. Chị L đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Thời hạn kháng cáo đối với nguyên đơn có mặt tại phiên tòa là 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Thời hạn kháng cáo đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện Ia Pa;
- Chi cục THADS huyện Ia Pa;
- Các đương sự;
- UBND xã Ia Trok;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Mai Thị Thanh Nga